ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 567 /GP-UBND	*Thanh Hóa, ngày 12 tháng 10 năm 2026*

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; Luật số 147/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và Khoáng sản; số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và Khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và Khoáng sản;

Căn cứ Nghị quyết số 66.4/2025/NQ-CP ngày 21/9/2025 của Chính phủ ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù nhằm tháo gỡ khó khăn trong triển khai Luật Địa chất và khoáng sản năm 2024;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 sửa đổi bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 422/QĐ-UBND ngày 05/02/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với mỏ cát tại xã Biện Thượng, tỉnh Thanh Hóa và Quyết định số 593/QĐ-UBND ngày 26/02/2026 đính chính Phụ lục kèm theo Quyết định số 422/QĐ-UBND;

Căn cứ Thông báo số 107/TB-UBND ngày 18/3/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả lựa chọn tổ chức, cá nhân để xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản tại mỏ cát làm vật liệu xây dựng thông thường xã Biện Thượng, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Giấy phép thăm dò số 237/GP-UBND ngày 05/5/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh cho phép Công ty cổ phần Vĩnh An thăm dò cát lòng sông làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Biện Thượng, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 2717/QĐ-UBND ngày 25/8/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công nhận kết quả thăm dò khoáng sản mỏ cát lòng sông làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực mỏ cát xã Biện Thượng, tỉnh Thanh Hóa;

Xét hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản ngày 03/9/2026 của Công ty cổ phần Vĩnh An;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1746/TTr-SNNMT ngày 03/10/2026; Công văn số 19309/SNNMT-ĐCKS ngày 08/10/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty cổ phần Vĩnh An (Mã số thuế: 2800588810; địa chỉ: Số 04, thôn Thống Nhất, xã Thiệu Quang, tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam) được khai thác khoáng sản tại khu vực mỏ cát lòng sông làm vật liệu xây dựng thông thường thuộc xã Biện Thượng, tỉnh Thanh Hoá với các nội dung như sau:

1. Khoáng sản được phép khai thác.

a) Khoáng sản chính: Cát làm vật liệu xây dựng thông thường.

b) Khoáng sản đi kèm: Không.

2. Phương pháp khai thác: Lộ thiên.

3. Không gian khai thác:

a) Diện tích khu vực khai thác: 10,5 ha.

b) Mức sâu khai thác: Từ +0,29 m đến -9,1 m.

Không gian khai thác được thể hiện chi tiết theo Phụ lục I và Phụ lục II - Bản đồ kèm theo.

4. Trữ lượng khoáng sản được phép khai thác:

a) Khoáng sản chính: 557.042 m^3 (ở trạng thái tự nhiên), trong đó:

- Trữ lượng cát đen là: 128.175 m^3;

- Trữ lượng cát vàng là: 428.867 m^3.

b) Khoáng sản đi kèm: 0 m^3.

5. Công suất khai thác tối đa (ở trạng thái tự nhiên): 140.000 m^3/năm.

6. Thời hạn khai thác: 04 năm 03 tháng kể từ ngày được cấp phép; trong đó thời gian xây dựng cơ bản mỏ là 03 tháng.

7. Thời gian khai thác:

a) Trong ngày: Từ 06 giờ sáng đến 19 giờ.

b) Trong năm: Thực hiện theo Công văn số 7474/UBND-CN ngày 10/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh quy định thời gian khai thác trong năm đối

với hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

8. Dự án (công trình; nhóm dự án, công trình) sử dụng khoáng sản: *Có danh sách tại Phụ lục III kèm theo*.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Công ty cổ phần Vĩnh An có trách nhiệm:

- Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và các khoản phí có liên quan (nếu có) theo quy định hiện hành của pháp luật.

- Chỉ được cung cấp khoáng sản phục vụ các dự án, công trình quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản được nêu tại khoản 8 Điều 1 Quyết định này; chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu sử dụng khoáng sản không đúng mục đích; phối hợp chặt chẽ với UBND các xã, phường, các Ban QLDA đầu tư xây dựng cấp tỉnh, chủ đầu tư các dự án để cung cấp vật liệu phục vụ các dự án, công trình theo quy định.

- Kê khai, báo cáo sản lượng khai thác khoáng sản trung thực, đầy đủ; chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật về kê khai, nộp thuế đúng, đủ sản lượng khoáng sản đã khai thác; kê khai giá, niêm yết, công khai giá bán vật liệu tại mỏ theo quy định; không được từ chối, gây khó khăn trong việc cung cấp giá bán khi có yêu cầu của cơ quan chức năng; chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về số liệu báo cáo để thực hiện nghĩa vụ tài chính, nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

- Phối hợp với Sở Công Thương thực hiện chia sẻ dữ liệu hệ thống camera AI giám sát hoạt động khai thác, vận chuyển khoáng sản của mỏ, đảm bảo công tác theo dõi, giám sát việc khai thác theo quy định của pháp luật; thực hiện kết nối, truyền thông tin và cung cấp giá bán vật liệu với Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Công Thương để công bố công khai trên Website do Sở Tài chính quản lý và theo dõi theo quy định.

- Các nội dung khác:

+ Cắm mốc, thả phao giới hạn phạm vi khu vực được phép khai thác; tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản theo đúng tọa độ, diện tích, trữ lượng, công suất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

+ Thực hiện và hoàn thành thủ tục thuê đất khu vực mỏ theo quy định; lập phương án đảm bảo giao thông đường thủy nội địa gửi Sở Xây dựng chấp thuận theo quy định của pháp luật hiện hành; đăng ký tên, loại phương tiện, thiết bị được sử dụng để khai thác, vận chuyển cát, sỏi và đăng ký theo quy định của pháp luật giao thông đường thủy nội địa; lắp đặt thiết bị giám sát hành trình và lưu trữ dữ liệu, thông tin về vị trí, hành trình di chuyển của phương tiện, thiết bị sử dụng để khai thác, vận chuyển cát, sỏi hoặc ký hợp đồng vận chuyển với các chủ phương tiện đủ điều kiện vận chuyển theo quy định của pháp luật trong trường hợp không trực tiếp vận chuyển cát, sỏi sau khai thác; lắp đặt bảng thông báo tại bờ sông

thuộc phạm vi khu vực khai thác để công khai thông tin Giấy phép khai thác, dự án khai thác cát, sỏi lòng sông với các nội dung: tọa độ, diện tích và sơ đồ phạm vi khu vực khai thác; thời gian khai thác; tên, phương tiện, thiết bị sử dụng để khai thác cát, sỏi; thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm về phòng chống thiên tai theo quy định của pháp luật.

+ Trong quá trình khai thác, phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan trong khai thác mỏ; thực hiện đầy đủ nội dung Phương án về bảo vệ môi trường của dự án khai thác khoáng sản và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện việc ký quỹ phục hồi môi trường theo quy định.

+ Tuyệt đối không găm hàng, tích trữ, đầu cơ, nâng giá, ép giá, bán với giá cao hơn mức giá đã kê khai giá được niêm yết, công bố, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước và Nhân dân; thực hiện việc xuất hóa đơn giá trị gia tăng đầy đủ, đúng giá bán cho người dân, doanh nghiệp; chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu vi phạm việc kê khai giá bán không đúng thực tế, vi phạm các quy định trong hoạt động khai thác, chế biến và vận chuyển khoáng sản.

+ Bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật; trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện việc đóng cửa mỏ; phục hồi môi trường, đất đai sau khai thác; báo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

+ Trường hợp thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản chính hoặc xác định trữ lượng khoáng sản đi kèm (nếu có), đơn vị phải lập đề án thăm dò bổ sung, gửi cơ quan cấp giấy phép khai thác khoáng sản để xem xét, chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để được công nhận kết quả thăm dò bổ sung.

+ Định kỳ hàng tháng báo cáo tình hình khai thác khoáng sản về Sở Công Thương để tổng hợp, quản lý theo quy định; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin, số liệu báo cáo.

+ Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường:

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan có liên quan khác về tính chính xác, tính pháp lý của nội dung tham mưu, thẩm định trình duyệt Giấy phép khai thác khoáng sản này theo đúng quy định của pháp luật.

- Khẩn trương thực hiện thủ tục phê duyệt tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường và các khoản phí có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị trong

hoạt động khai thác khoáng sản tại khu vực mỏ.

3. Trách nhiệm của Sở Công Thương[1]:

- Khẩn trương thực hiện thủ tục trình duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và hướng dẫn đơn vị hoàn thành việc nộp các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành của pháp luật trước khi tiến hành khai thác tại khu vực mỏ.

- Thực hiện tiếp nhận thông tin chia sẻ dữ liệu hệ thống camera AI giám sát hoạt động khai thác, vận chuyển khoáng sản của mỏ, đảm bảo công tác theo dõi, giám sát quá trình hoạt động khai thác khoáng sản của Công ty cổ phần Vĩnh An theo quy định; chịu trách nhiệm trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh trong việc theo dõi, kiểm tra, kiểm soát việc sử dụng khoáng sản đúng mục đích phục vụ các dự án, công trình quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản.

4. Trách nhiệm của UBND xã Biện Thượng:

- Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn liên quan đến các thủ tục về đất đai để đưa mỏ vật liệu vào khai thác để đáp ứng nhu cầu sử dụng, cung cấp cho các dự án được Chủ tịch UBND tỉnh cấp phép.

- Chỉ đạo các lực lượng chức năng tổ chức kiểm tra, giám sát chặt chẽ hoạt động khai thác khoáng sản của Công ty cổ phần Vĩnh An; chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh trong trường hợp để xảy ra việc khai thác khoáng sản trái phép ngoài phạm vi mốc giới mỏ do sự thiếu kiểm tra, giám sát của đơn vị mình.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Sở Công Thương;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Sở Xây dựng;
- Công an tỉnh;
- UBND xã Biện Thượng;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Công ty cổ phần Vĩnh An;
- Lưu VT, CNXD (T10.27).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Cao Văn Cường

[1] Đơn vị nhận chuyển giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về địa chất và khoáng sản từ Sở Nụng nghiệp và Mụi trường, Sở Xõy dựng tại Quyết định số 3302/QĐ-UBND ngày 06/10/2026 của UBND tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

Phụ lục I

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ, MỨC SÂU KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Giấy phép số /GP-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Điểm góc	TỌA ĐỘ VN 2000 (Kinh tuyến trục 105^0, múi chiếu 3^0)	
	X(m)	Y(m)
1	2212 116,74	573 526,71
2	2212 232,09	573 557,54
3	2212 136,69	574 006,94
4	2212 132,06	574 183,88
5	2212 102,64	574 380,45
6	2212 049,61	574 595,49
7	2211 959,49	574 584,77
8	2212 013,45	574 324,53
9	2212 027,63	574 202,88
10	2212 109,44	573 551,11
Diện tích: 10,5 ha		
Mức sâu khai thác cao nhất: +0,29 m **Mức sâu khai thác thấp nhất: -9,1 m**		

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

Phụ lục III

DANH MỤC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH SỬ DỤNG CÁT XÂY DỰNG TẠI MỎ CÁT XÃ BIỆN THƯỢNG

(Kèm theo Giấy phép số /GP-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Cơ sở pháp lý để được áp dụng cơ chế đặc thù	Địa điểm thực hiện dự án	Thời hạn thực hiện dự án	Nhu cầu cát xây dựng (m^3)	Nhu cầu cát theo khối địa chất (m^3)
1	HTKT Khu nghĩa trang Đồng Vưn, phường Đông Quang	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Đông Quang	- Nghị quyết số 172/2024/QH15 của Quốc hội.	Phường Đông Quang	2026-2027	1,460	1,270
2	HTKT Khu nghĩa trang Đồng Choài, phường Đông Quang	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Đông Quang	- Nghị quyết số 172/2024/QH15 của Quốc hội.	Phường Đông Quang	2026-2027	1,988	1,729
3	HTKT Khu nghĩa trang Đồng Nẩn, phường Đông Quang	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Đông Quang	- Nghị quyết số 172/2024/QH15 của Quốc hội.	Phường Đông Quang	2026-2027	796	692
4	HTKT Khu nghĩa trang Đông Yên phường Đông Quang	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Đông Quang	- Quyết định số 1316/QĐ-UBND ngày 29/4/2025 của UBND tỉnh.	Phường Đông Quang	2026-2027	3,538	3,077
5	Dự án Đường Quảng Châu 1 (đoạn từ Đại lộ Nam Sông Mã đến đê sông Huyện), phường Quảng Châu, thành phố Sầm Sơn (nay là phường Sầm Sơn)	Ban QLDA đầu tư xây dựng phường Sầm Sơn	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án số 912/QĐ-UBND ngày 21/3/2025	Phường Sầm Sơn	2025-2026	18,000	15,652

6	Đường GT nội vùng khu Păng, thị trấn Sơn Lư	UBND xã Quan Sơn	Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 08/6/2023 của HĐND huyện Quan Sơn	Xã Quan Sơn	2023-2026	1,545	1,343
8	Kè chống sạt lở bờ suối Tuốp, khu phố Hẹ, khu phố Hao, thị trấn Sơn Lư	UBND xã Quan Sơn	Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 13/9/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Quan Sơn	Xã Quan Sơn	2024-2026	668	581
9	Kè chống sạt lở bờ sông Lò (đoạn từ sau Ban CHQS xã đến đối diện Trường Mầm non Sơn Lư 1), xã Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Quan Sơn	Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 19/7/2026 của UBND xã Quan Sơn	Xã Quan Sơn	2026-2028	3,000	2,609
10	Trường THCS Sơn Lư, xã Quan Sơn	UBND xã Quan Sơn	Quyết định số 408/QĐ-UBND ngày 26/5/2026 của UBND xã Quan Sơn	Xã Quan Sơn	2026-2029	900	783
11	Cầu bản Máy 1, xã Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Quan Sơn	Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 08/4/2026 của UBND xã Quan Sơn	Xã Quan Sơn	2026-2027	1,100	957
12	Sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng đường giao thông bản Sơn Lư, xã Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Quan Sơn	Quyết định số 628/QĐ-UBND ngày 29/7/2026 của UBND xã Quan Sơn	Xã Quan Sơn	2026-2028	800	696
13	Kè chống sạt lở đê tả sông Bưởi (khu vực trạm bơm Mã Nứa), xã Kim Tân, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Kim Tân	Quyết định số 1841/QĐ-UBND ngày 23/6/2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 1086/QĐ-UBND ngày 29/6/2026 của UBND xã Kim Tân về phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	Xã Kim Tân	2026-2027	771	671

14	Kè bảo vệ khu vực bãi sông Bưởi, thôn Định Hưng, xã Kim Tân, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Kim Tân	Quyết định số 3959/QĐ-UBND ngày 18/12/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 28/1/2026 của UBND xã Kim Tân về phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	Xã Kim Tân	2026-2027	536	466
15	Các công trình do Công an tỉnh làm Chủ đầu tư	Công an tỉnh	Mật	tỉnh Thanh Hóa	2026-2030	435,000	378,261
16	Mở rộng Đại lộ Đông Tây, đoạn từ Cầu Cao đến thị trấn Rừng Thông	Ban QLDA Đầu tư Xây dựng khu vực Đông Sơn (nay là Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa)	Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 17/12/2020, Nghị quyết số 310/NQ-HĐND ngày 08/03/2024, Nghị quyết số 38/2024/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 của HĐND thành phố Thanh Hóa	Phường Hạc Thành, phường Đông Sơn	2026-2027	54,000	46,957
Tổng cộng						**524,102**	**455,744**